TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2019.
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

* Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Trần Xươnne.

2) Ông Nguyễn Văn Khanh.

* Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 393/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/9/2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thu A**, sinh năm 1986 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Đoàn Văn H**, sinh năm 1988 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số 8/1, ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2019, nguyên đơn chị Trần Thị Thu A trình bày: Vào năm 2010, chị và anh Đoàn Văn H có tổ chức cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/11/2010. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng có hai người con chung là cháu Đoàn Thị Trúc M, sinh ngày 11/9/2012, đang sống với anh H và cháu Đoàn Quốc M, sinh ngày 23/3/2019, đang sống với chị. Sau một thời gian sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh H không quan tâm đến chị trong lúc mang thai và sau khi sinh con. Nhận thấy giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể tồn tại được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đoàn Văn H; chị yêu cầu được nuôi

dưỡng cháu Đoàn Quốc M đến tuổi trưởng thành, còn cháu Đoàn Thị Trúc M muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu sống theo chị thì anh H phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, nợ chung, hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đoàn Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung thì anh thống nhất theo lời trình bày của chị A.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị A thì anh đồng ý ly hôn với chị A, anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu Đoàn Thị Trúc M, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Quốc M đến tuổi trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung thì anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Chị Trần Thị Thu A và anh Đoàn Văn H tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2010, đến ngày 26/11/2010 anh chị đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện K cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị A cho rằng sau một thời gian vợ chồng sống hạnh phúc thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm, anh H không quan tâm chị nên anh chị đã không sống chung với nhau khoảng 7 - 8 tháng nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Anh H đồng ý ly hôn với chị A. Thấy rằng hôn nhân giữa chị A với anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì hiện nay anh chị đã không chung sống với nhau, chị A về CM chung sống với cha mẹ, anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm, chị A cương quyết yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, cho anh, chị được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Chị A và anh H có hai người con chung là cháu Đoàn Thị Trúc M, sinh ngày 11/9/2012, đang sống với anh H và cháu Đoàn Quốc M, sinh ngày 23/3/2019, đang sống với chị A. Đối với cháu M, chị A yêu cầu được nuôi đến tuổi trưởng thành, anh H đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị A nuôi dưỡng. Còn cháu M, chị A và anh H đều có yêu cầu được nuôi cháu. Thấy rằng: Từ khi anh chị không chung sống với nhau thì cháu M được anh H nuôi dưỡng, cháu M được đi học, sức khỏe, tinh thần tốt, chị A không có đến thăm nom cháu từ khi anh chị không còn sống chung với nhau, theo chị A và anh H thì hiện nay chị A không có đi làm, sống phụ thuộc cha mẹ, còn anh H thì làm vườn với cha mẹ, khi chưa tới mùa thu hoạch thì anh làm thêm, cháu M có nguyện vọng chung sống với cha, để ổn định tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu M cho anh H trực tiếp trông

nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 800.000 đồng. Anh H không đồng ý. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *"Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"* và Điều 110 luật này cũng quy định: "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con*". Số tiền chị A yêu cầu là phù hợp thực tế địa phương. Vì vậy, việc chị A yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu M là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, thời gian cấp dưỡng từ ngày 31/10/2019 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

[5] Đối với cháu M, anh H không yêu cầu chị A cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh H và chị A, không ai được quyền ngăn cản.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và anh H phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị A và anh H ly hôn, giao cháu M cho chị A nuôi dưỡng và giao cháu M cho anh H nuôi dưỡng, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 800.000 đồng, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 và điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu A được ly hôn với anh Đoàn Văn H.

2/. Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Trúc M, sinh ngày 11/9/2012 cho anh Đoàn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Đoàn Quốc M, sinh ngày 23/3/2019 cho chị Trần Thị Thu A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đoàn Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Quốc M mỗi tháng 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 31/10/2019 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Phần cấp dưỡng này được thi hành ngay.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh H và chị A, không ai được quyền ngăn cản.

5/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thu A và anh Đoàn Văn H không yêu cầu giải quyết.

6/. Về án phí: Chị Trần Thị Thu A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0000841 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Chị A đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Anh Đoàn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm (cấp dưỡng) là 300.000 đồng.

7/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã X, H. KS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm